TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁP MƯỜI** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09/8/2018
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Ánh.

Ông Lê Văn Vững.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Jét - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

Ngày 09/8/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2018 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn và quyền nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2018/QĐXX-ST ngày 18 tháng 7 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị Kim T, sinh năm: 1995.

Bị đơn: Nguyễn Văn Hoàng Phi T2, sinh năm: 1992.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Văn A, sinh năm 1962.

2. Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm: 1968.

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã Q, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

Chị T, anh T2, ông A, bà M có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Thị Kim T là nguyên đơntrình bày:

Chị T và anh T2 cưới nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q ngày 26/5/2016. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng thời gian sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn nên vợ chồng thường xuyên cải nhau và vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 22/01/2018 cho đến nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay, chị yêu cầu được ly hôn với anh T2.

Về quan hệ nuôi con: Có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Kim C, và Nguyễn Ngọc Kim P, sinh cùng ngày 04/6/2017, (Hiện đang sống chung với cha mẹ chồng), chị T yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: Chị T có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ nợ: Không có.

Anh Nguyễn Văn Hoàng Phi T2 là bị đơn trình bày: Anh T2 và chị T được gia đình hai bên tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn vào năm 2016. Thời gian đầu sống rất hạnh phúc nhưng hiện nay vợ chồng không còn sống chung, chị T đã bỏ đi đâu anh không biết, anh có khuyên nhưng chị T không trở về, nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm. Nay chị T yêu cầu ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

Về quan hệ nuôi con: Có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Kim C và Nguyễn Ngọc Kim P, sinh cùng ngày 04/6/2017 (Hiện đang sống chung với ba mẹ của anh). Anh yêu cầu được nuôi 02 con chung, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ nợ: Không có.

Ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị Ngọc M là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Ông bà là cha mẹ chồng của Kim T, vợ chồng Thảo và T2 được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới, sau đó lên Sài Gòn làm công nhân, T có sinh được 02 cháu nội là Kim C và Kim P được 06 tháng thì giao lại cho vợ chồng chúng tôi nuôi dưỡng. Sau đó T bỏ đi đâu không rõ, chúng tôi biết con nhỏ thì cần mẹ nhưng thật tình chị T không thương 02 con, chị T đã bỏ con đến bây giờ.

Nay, chị T yêu cầu ly hôn với Phi T2 và yêu cầu được nuôi 02 con là Nguyễn Ngọc Kim C và Nguyễn Ngọc Kim P do ông bà cùng T2 đang nuôi dưỡng 02 cháu, ông bà biết con còn nhỏ thì người mẹ sẽ nuôi dưỡng nhưng chị T không có thương con, không về thăm con. Ông bà nguyện vọng anh T được tiếp tục nuôi 02 con là Nguyễn Ngọc Kim C và Nguyễn Ngọc Kim P.

Tại phiên toà, nguyên đơn chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kim C và cháu Kim P, không yêu cầu cấp dưỡng

nuôi con. Bị đơn, anh T2 đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T, yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Kim C và cháu Kim P, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản cả chị T và anh T2 thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về quan hệ nợ, các bên trình bày không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp về ly hôn giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T, bị đơn anh Nguyễn Văn Hoàng Phi T2 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T2 kết hôn vào năm 2013 có đăng ký kết hôn, vợ chồng sống chung lúc đầu có hạnh phúc nhưng về sau thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, hiện nay vợ chồng đã ly thân từ ngày 22/01/2018, chị T nhận thấy không còn tình cảm nên yêu cầu được ly hôn với anh T2.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh T2, anh T2 cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T. Xét thấy việc thỏa thuận giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T với anh T2.

Quan hệ nuôi con: Chị T và anh T2 thống nhất có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Kim C và Nguyễn Ngọc Kim P, sinh cùng ngày 04/6/2017, hiện ông bà nội đang nuôi dưỡng. Các bên đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Kim C và cháu Kim P, không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con và anh T2 cũng yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Kim C và cháu Kim P, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, hiện nay Nguyễn Ngọc Kim C và Nguyễn Ngọc Kim P, sinh cùng ngày 04/6/2017, chưa đủ 36 tháng tuổi và theo khoản 3 Điều 81 luật Hôn nhân và gia đình có ghi "Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con".

Nên buộc anh T2, ông A và bà M liên đới giao Nguyễn Ngọc Kim C và Nguyễn Ngọc Kim P cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị T, anh T2 có quyền, nghĩa vụ, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh T2 được quyền thăm nom con. Không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Quan hệ tài sản: Chị T có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung nên Tòa án đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung.

Quan hệ nợ: Hai bên thống nhất không có nợ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim T với anh Nguyễn Văn Hoàng Phi T2.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị T.

Buộc anh Nguyễn Văn Hoàng Phi T2, ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị Ngọc M liên đới giao cháu Nguyễn Ngọc Kim C và Nguyễn Ngọc Kim P, sinh cùng ngày 04/6/2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh T2 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị T, anh T2 có quyền, nghĩa vụ, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh T2 được quyền thăm nom con. Không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về quan hệ tài sản: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản của chị Nguyễn Thị Kim T.

4. Về quan hệ nợ: Không có.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình đã nộp là 600.000đ theo biên lai thu số 0003018, ngày 27/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười; chị T được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 300.000 đồng.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay các bên đương sự được quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án cấp trên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND Tỉnh ĐT;
- VKSND cùng cấp
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.(J)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Văn Dũng